

ĐẶC ĐIỂM ĐA DẠNG CÂY THUỐC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC CƠ TU TẠI MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Medicinal plant diversity and use of Katu people in central of Vietnam: a review

HÀ HẢI ANH^{(*)a,b}, ĐỖ THU HÀ^b, TRẦN VIỆT VINH^a

^a Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng tài nguyên cây thuốc dân tộc
cổ truyền khu vực Miền trung và Tây nguyên - Trường Đại Học Duy Tân

^b Khoa Dược - Trường Đại Học Duy Tân

Tóm tắt: Tộc người Cơ Tu có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc phong phú do tập quán sinh sống dựa vào thiên nhiên. Tuy nhiên, những tri thức, kinh nghiệm này có nguy cơ bị lãng quên do giới trẻ ưa chuộng sử dụng các thuốc tân dược hơn là kế thừa kinh nghiệm từ thế hệ trước. Trong bài báo này, một số thông tin chủ yếu về cây thuốc của người Cơ Tu được khái quát hóa theo số liệu thống kê về cách dùng, bộ phận dùng, các nhóm bệnh được sử dụng. Bài báo cũng tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, liệt kê các cây thuốc còn ít được quan tâm, chưa được tư liệu hóa hoặc đã được nghiên cứu nhưng theo các xu hướng sử dụng khác so với tri thức bản địa của tộc người Cơ Tu.

Từ khóa: Cơ Tu, cây thuốc, thực vật dân tộc học, tri thức cổ truyền, bảo tồn.

Abstract: Katu people have extensive experience in using medicinal plants due to their habit of living on nature. However, these knowledge and experiences are at risk of being forgotten because young people prefer using western medicine rather than inheriting the experience of the previous generation. In this article, some of the key information on Katu's medicinal plants is generalized according to statistics on usage, by diseases applied. This article also literature review, listing unpublished or unresearched medicinal plants which belong to Katu's indigenous knowledge.

Keywords: Katu, medicinal plant, ethnobotany, indigenous knowledge, conservation.

I. MỞ ĐẦU

Dân tộc Cơ Tu là cộng đồng dân tộc thiểu số thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, dân số toàn cầu ước tính 88.500 người[35]. Riêng ở Việt Nam, người Cơ Tu có khoảng 61.588 người[5], được phân bố tập trung chủ yếu ở Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Ngoài ra, cộng đồng Cơ Tu còn sinh sống tập trung ở một số tỉnh giáp miền Trung, thuộc địa phận Lào, Thái Lan[33]. Trong những tài liệu ghi chép về cuộc sống của người Cơ Tu cả trong và ngoài nước, có một số ghi chép

về tri thức sử dụng cây thuốc của cộng đồng người Cơ Tu có biểu hiện nhiều nét độc đáo và đặc sắc riêng, phản ánh cuộc sống, tín ngưỡng của người dân gắn liền với rừng, dựa vào rừng để sinh tồn và phát triển kinh tế nên có nhiều tri thức gắn liền với việc sử dụng cây cỏ làm thuốc và các công dụng phong phú khác trong cuộc sống [41, 42].

Với bối cảnh phát triển chung của xã hội, với tác động của nền kinh tế thị trường thì ngay ở nơi tập trung sinh sống của cộng đồng Cơ Tu cũng có thể tiếp cận với các sản phẩm thuốc tân dược, có tác dụng nhanh, giá hợp lý và tiện sử dụng nên được người dân, đặc biệt là lớp trẻ ưa chuộng. Vì lý do này, giới trẻ có lý do để không muốn tiếp thu tri thức sử dụng cây thuốc Nam cổ truyền. Khi các ông lang, bà mế, những người nắm kiến thức và có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc già đi và không truyền thụ được kinh nghiệm cho đời sau thì những bài thuốc gia truyền sẽ biến mất mãi mãi. Đây cũng chính là lý do để các nhà nghiên cứu ngày càng quan tâm tới việc tư liệu hóa các tri thức sử dụng để có cơ sở tiếp tục bảo tồn và phát triển các tri thức đã được tích lũy từ nhiều đời của dân tộc.

Khu vực Miền trung và Tây nguyên là nơi giao thoa giữa 2 vùng khí hậu Bắc và Nam, có địa hình phong phú về độ cao và địa chất, có dãy Trường Sơn với nhiều diện tích rừng, có bờ biển dài..., do đó nơi đây có tính đa dạng sinh học cao, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều loài thực vật phát triển, trong đó có các loài thực vật được người dân sử dụng làm thuốc. Cho tới nay, đã có một số nghiên cứu điều tra tổng quát về đa dạng sinh học trong môi trường sinh sống của người dân tộc thiểu số, trong đó có các thống kê về các cây thuốc đã được người dân tộc thiểu số (trong đó có người Cơ Tu) sử dụng [3, 29]. Một số nghiên cứu khác có điều tra về tri thức truyền thống sử dụng cây cỏ làm thuốc của đồng bào dân tộc thiểu số, lựa chọn một vài địa danh cụ thể trong khu vực Miền trung và Tây nguyên. Tuy nhiên, trong các tài liệu đã công bố, chưa có những số liệu nghiên cứu mang tính khái quát về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, tổng quan, khái quát hóa nhằm đề xuất các nghiên cứu mới, chỉ ra các vấn đề trọng tâm để bảo tồn và phát triển cây thuốc cũng như tri thức sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc này.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập tài liệu

Thu thập thông tin về các cây thuốc từ các tài liệu chuyên ngành trong nước, bao gồm:

- Các danh lục, thực vật chí, từ điển thực vật, cây thuốc.
- Các báo cáo nghiên cứu điều tra tài nguyên cây thuốc, đa dạng sinh học.
- Các bài báo, tạp chí chuyên ngành Dược, Sinh học.

Tài liệu nước ngoài bao gồm cách sách và nguồn internet trên cơ sở dữ liệu: Pubmed, Ethnobotany [34],[37].

2.2. Tổng hợp và phân tích dữ liệu

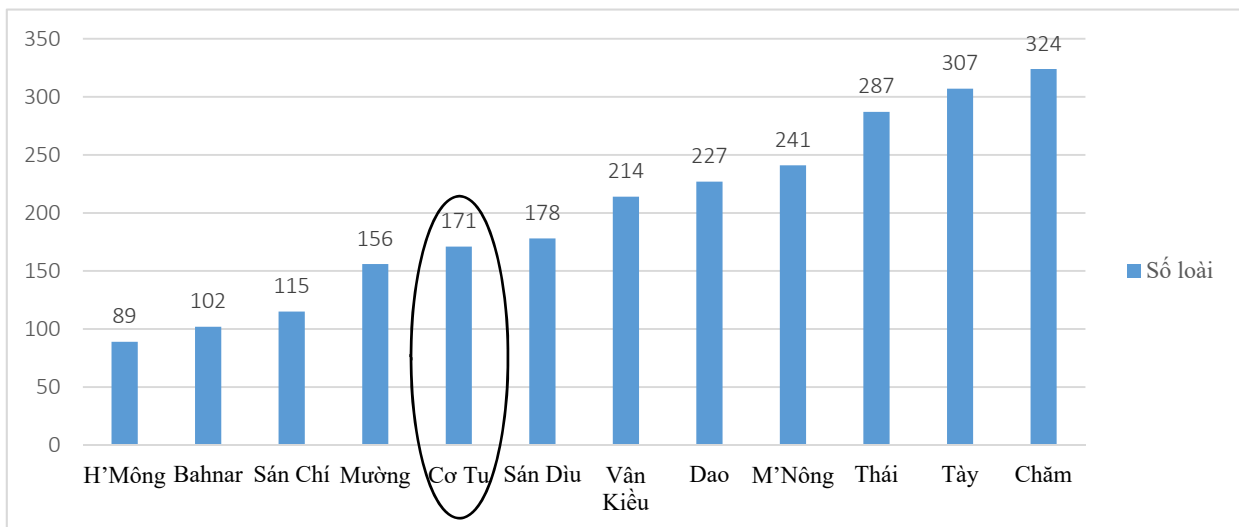
Sau khi đọc, phân tích, các dữ liệu được tập hợp thành một bảng dữ liệu (sử dụng phần mềm Microsoft Excel) bao gồm các nội dung, chỉ tiêu được khảo sát và trình bày trong bài báo này. Sử dụng các bộ lọc (filter) trong Excel để tìm những nhóm cây thuốc theo từng tiêu chí để hình thành các biểu đồ và bảng số liệu.

III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Về tính đa dạng cây thuốc

Các cây thuốc của người Cơ Tu được thống kê bao gồm 171 loài thuộc 69 họ [12-14, 28, 35]. Các họ có nhiều loài được sử dụng bao gồm: Họ Cà phê (Rubiaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Cúc (Asteraceae). Các họ còn lại, rải rác mỗi họ có dưới 5 đại diện cây thuốc. Tính đa dạng cây thuốc người Cơ Tu có thể giải thích bởi khu vực sinh sống là các khu vực vùng sâu, vùng xa, ở rừng núi giáp biên giới Việt Lào. Người dân Cơ Tu có tập quán sống dựa vào rừng. Theo các yếu tố tâm linh và tín ngưỡng truyền thống, người Cơ Tu có ý thức bảo vệ rừng và hệ sinh thái trong khu vực sinh sống[31].

So với các dân tộc thiểu số khác, số cây thuốc được tìm thấy trong danh mục còn khá khiêm tốn và nằm ở nhóm trung bình so với các dân tộc khác (theo các dữ liệu tham khảo được của nhóm tác giả. Các dữ liệu so sánh được biểu thị trong hình 1:



Hình 1: Số loài cây thuốc của người Cơ Tu so sánh với một số dân tộc thiểu số khác (*)

(*) Các tài liệu tra cứu gồm các nghiên cứu về tài nguyên và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc mà nhóm tác giả thu thập được: [1, 3, 4, 8, 9, 15-17, 30, 39].

Trong 171 cây thuốc đã thống kê, có 6 cây thuốc quý hiếm đã có trong danh lục sách đỏ Việt Nam (bảng 1) cần ưu tiên bảo vệ bởi rất có nguy cơ bị khai thác quá mức dẫn đến tuyệt chủng nếu không có biện pháp bảo tồn nguồn gene cũng như tư liệu hóa tri thức sử dụng.

Bảng 1: Các cây thuốc của người Cơ Tu có liệt kê trong sách đỏ Việt Nam[27]

TT	Tên Khoa Học	Tên Cơ Tu	Phân Hạng Bảo Tồn
1	<i>Alleizettella rubra</i>	Pa rịu	VU A 1 a, c
2	<i>Aquilaria crassna</i>	Trầm hương, trạc	EN A1c,d, B1+2b,c,e
3	<i>Ardisia silvestris</i>	Tom lá khô	VU A1a,c,d + 2d
4	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>	Dè	CR A1a, c, d
5	<i>Curculigo orchioides</i>	Sâm cau	VU A1c, d
6	<i>Dendrobium nobile</i>	Tòm me lọc	EN B1 + 2b, c, e

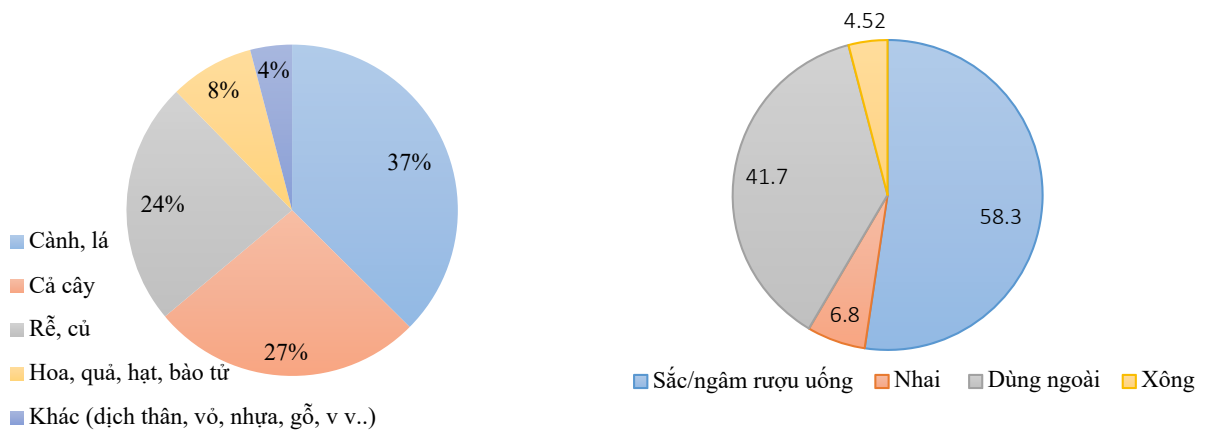
3.2. Các kinh nghiệm sử dụng cây thuốc

Người Cơ Tu sinh sống quần cư theo từng khu vực, các hộ gia đình thường quây thành một vòng gần khép kín, hình thành các làng[31]. Trong làng thường có những người có hiểu biết về kinh nghiệm sử dụng cây thuốc như già làng, cán bộ y tế địa phương hoặc trưởng họ (đối với những tri thức được truyền lại theo họ tộc)[42].

Người Cơ Tu cũng có sử dụng một số loại thực vật để trừ tà, làm bùa, ngải ... như theo phong tục, tín ngưỡng tâm linh truyền thống, tuy nhiên những vấn đề này thường không được mô tả chi tiết hoặc giữ bí mật, một số được ghi chép rất ít trong các tư liệu nghiên cứu về văn hóa, phong tục của người Cơ Tu[31].

Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc cũng gắn liền với các hoạt động thường ngày và tính chất của khu vực dân sinh như: Các hoạt động sản xuất, lao động thường diễn ra trên rừng, nơi có nhiều mối nguy từ thú hoang, hoặc từ các bệnh dịch có thể xuất hiện trên vùng rừng núi cao. Do vậy, các tri thức được truyền lại thường là đối với các cây thuốc có khả năng trị chấn thương, trị rắn rết cắn, cầm máu, trị sốt rét, đau bụng.v.v.[42]

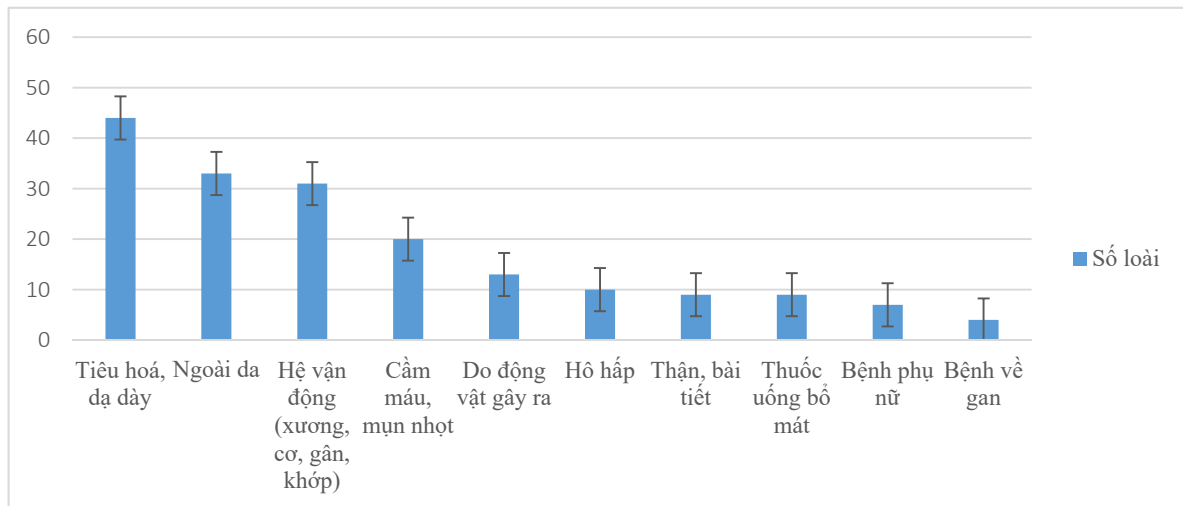
Về bộ phận dùng, đường dùng, cách chế biến và sử dụng cây thuốc của người Cơ Tu: Theo các tài liệu mô tả, các cây thuốc được sử dụng theo kinh nghiệm, có thể dùng cả cây, dùng riêng rễ, lá, thân... theo nhiều cách khác nhau. Đối với các hình thức sử dụng cây thuốc, có tới hơn một nửa số trường hợp được thống kê là dạng đun (sắc) hoặc ngâm rượu uống, tiếp theo là các dạng dùng ngoài (giã, đắp vào vết thương, chườm đau...)[12-14, 28, 35]. Các bộ phận sử dụng, cách dùng được tóm tắt trong hình 2 .



Hình 2: Bộ phận dùng, cách dùng cây thuốc theo kinh nghiệm của tộc người Cơ Tu

Như vậy, các bộ phận của cây thuốc được người Cơ Tu sử dụng chủ yếu là sử dụng cành, lá, tuy nhiên cũng có sử dụng các thành phần ít dùng khác như dịch thân cây, bào tử...

Như vậy, với tính phong phú, đa dạng trong kinh nghiệm, tri thức sử dụng cây thuốc để chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của dân tộc Cơ Tu, qua tập hợp và phân tích số liệu, chúng tôi sàng lọc ra các nhóm bệnh được điều trị bằng cây thuốc (hình 3)



Hình 3: Các nhóm bệnh được điều trị bằng cây thuốc Nam của người Cơ Tu.

Khai thác, sử dụng tài nguyên cây thuốc để đáp ứng nhu cầu chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng là tập quán lâu đời của các dân tộc thiểu số. Trong quá trình phát triển của cộng đồng, họ đã dần nhận biết được các loài cây thuốc để chữa bệnh. Các cây thuốc của người Cơ Tu sử dụng cũng phản ánh những đặc điểm của địa bàn sinh sống và phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của người Cơ Tu.

Tổng số loài được sử dụng để chữa các bệnh do động vật gây ra là 13 loài. Điều này phản ánh thực tế ở địa bàn người Cơ Tu sinh sống thường là khu vực rừng tự nhiên, có tính đa dạng sinh

học cao, đặc biệt là số loài bò sát, côn trùng lớn. Do đó, trong quá trình lao động, người Cơ Tu cũng có nguy cơ gặp và bị động vật hoang dã tấn công, côn trùng cắn, đốt như rắn, ong, rết cắn[33].

Những thống kê của nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, số loài cây thuốc dùng để chữa trị các bệnh về tiêu hóa (47 loài), bệnh ngoài da (33 loài) và các bệnh liên quan đến hệ vận động (31 loài), thận, bài tiết (09 loài), dạ dày, gan (12 loài), cầm máu, mụn nhọt (20 loài) thường chiếm số lượng cao. Số liệu này phù hợp với thực tế khi điều kiện kinh tế của người Cơ Tu còn chưa phát triển, điều kiện ăn ở chưa hợp vệ sinh là nguyên nhân gây nên các bệnh liên quan tới hệ tiêu hóa, bệnh ngoài da [42].

Một số cây thuốc được người dân thu hái trong tự nhiên để làm rượu tăng lực, bồi bổ sức khỏe (13 loài). Điều này phù hợp trong điều kiện về dinh dưỡng còn thiếu thốn lại phải lao động nặng nhọc nên người Cơ Tu rất quan tâm tới việc phục hồi thể lực, duy trì sức khỏe để đảm bảo khả năng lao động[35].

3.3. Các nghiên cứu trong và ngoài nước

Tra cứu trên các cơ sở dữ liệu về dân tộc học thực vật trên internet hiện chưa tìm thấy công bố nghiên cứu tổng quan cho cây thuốc của tộc người Cơ Tu[34, 37]. Qua quá trình tổng quan các nghiên cứu, dựa theo số lượng và phạm vi của các nghiên cứu có đề cập tới cây thuốc được người Cơ Tu sử dụng, chúng tôi chia danh mục thành các nhóm:

- Được nghiên cứu nhiều: Bao gồm các cây thuốc được sử dụng bởi cả cộng đồng Cơ Tu và các cộng đồng dân tộc khác trong khu vực. Nhóm này chiếm đa số danh mục.
- Nhóm ít được nghiên cứu: Bao gồm các cây thuốc có số lượng bài báo nghiên cứu công bố với số lượng ít, phạm vi nghiên cứu còn hẹp (gồm 12 cây). Trong đó chia ra 2 dạng:
 - o Chưa thấy có nghiên cứu hay được tư liệu hóa trong các ấn phẩm của Việt Nam và bài báo quốc tế (gồm 4 cây, được liệt kê ở bảng 2).
 - o Các với kinh nghiệm sử dụng của người Cơ Tu có sự khác biệt so với công dụng đã nghiên cứu và công bố. (gồm 8 cây, được liệt kê ở bảng 3).

Bảng 2: Các cây thuốc chưa tìm thấy nghiên cứu, chưa được tư liệu hóa bằng tiếng Việt. (*)

TT	Tên khoa học	Tên Cơ Tu	Bộ phận dùng	Kinh nghiệm của người Cơ Tu [28]
1	<i>Schefflera palmiformis</i>	Chân chim to	Cành, rễ	Ngâm rượu uống chữa đau lưng
2	<i>Caesalpinia hymenocarpa</i>	Bra klang, đồng tiền	Cành lá	Giã nát đắp hoặc nấu nước rửa. Trị ghẻ lở, hắc lào
3	<i>Phyllagathis prostrata</i>	Ông ôi, me nguồn	Cả cây	Cả cây giã nát cầm máu trị sài lở trẻ em
4	<i>Tetrastigma stemalium</i>	Hoa nhỏ	Dây lá	Nấu uống, chữa cảm sốt nhức đầu

(*) các tài liệu tra cứu bao gồm các danh lục, từ điển cây thuốc[7, 20-22], thực vật chí Việt Nam[2, 6, 10, 11, 18, 19, 23, 25, 26], các tài liệu tra cứu thực vật và cây thuốc thông dụng [12-14].

Bảng 3: Một số cây thuốc với kinh nghiệm sử dụng của người Cơ Tu có sự khác biệt so với công dụng đã nghiên cứu và công bố.

TT	Tên khoa học	Tên Cơ Tu	Bộ phận dùng	Kinh nghiệm của người Cơ Tu	Các nghiên cứu được công bố
1	<i>Ficus maclellandii</i>	Pác	Lá	Lá nấu uống, chữa đau nhức xương	Tác dụng chống oxi hóa, kháng acetylcholine esterase[38]
2	<i>Catimbum speciosum</i>	A pùn	Thân rễ	Ngâm rượu xoa ngoài. Chữa bong gân, trật khớp.	Nghiên cứu tác dụng gây chết tế bào theo chương trình [36]
3	<i>Glochidion rubrum Blume</i>	Pa nhe	Lá	Lá nấu uống chữa đau bụng	NC thành phần hóa học, chưa có công bố về tác dụng sinh học [32]
4	<i>Phrynium placentarium</i>	Dong rừng	Lá	Có tác dụng nhả rượu khi say, chữa rắn cắn	Phạm Hoàng Hộ[13] chỉ ghi công dụng chữa rắn cắn. Không tìm được công bố về tác dụng nhả rượu khi say
5	<i>Amorphophalus tonkinensis</i>	Ra lun	Củ	Củ trị rắn cắn	Phạm Hoàng Hộ [13] Không tìm được công bố về công dụng làm thuốc.

TT	Tên khoa học	Tên Cơ Tu	Bộ phận dùng	Kinh nghiệm của người Cơ Tu	Các nghiên cứu được công bố
6	<i>Pericampylus glaucus</i>	Ca pong	Cả cây	Có tác dụng kích dục, cả cây nấu nước uống	Chống viêm, chống ung thư [40], chống HIV, HBV [43]
7	<i>Mycetia balansae</i>	Prieng	Cả cây	Nấu xông cho phụ nữ khi sinh bị nhức đầu	Ở Việt Nam nghiên cứu tác dụng trị tiểu đường [24].
8	<i>Bauhinia penicelliloba</i>	Ca tin	Thân lá	Phơi khô nấu uống, bổ máu	Chữa phỏng dạ (thủy đậu) [20]

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1. Kết luận

Cây thuốc được sử dụng bởi cộng đồng người Cơ Tu có tính đa dạng cao, trong đó, có nhiều cây thuốc cũng đã được nhiều dân tộc khác sử dụng, với kinh nghiệm sử dụng tương tự hoặc khác biệt một phần. Điều này phản ánh sự giao thoa, trao đổi tri thức sử dụng cây thuốc giữa các dân tộc trong địa bàn sinh sống. Bên cạnh tính đa dạng về loài được dùng làm thuốc, người Cơ Tu cũng có kinh nghiệm phong phú trong việc sử dụng nhiều thành phần của cây để làm thuốc, có những cách áp dụng khác nhau như: nấu uống, giã đắp ngoài da, xông, tắm, ngâm rượu...

Đối với các nhóm bệnh được điều trị bằng cây thuốc: Chủ yếu là những bệnh thường gặp, gắn liền với cuộc sống và lao động của người dân Cơ Tu.

Trong kết quả nghiên cứu có chỉ ra một số cây thuốc đã được người Cơ Tu sử dụng làm thuốc nhưng hiện chưa tìm thấy trong các tư liệu chính thống của Việt Nam cũng như có rất ít các công bố quốc tế liên quan trực tiếp đến những loài này.

4.2 Đề xuất:

Đối với các cây thuốc chưa được nghiên cứu: Đây có thể là cơ sở để phát triển các nghiên cứu mới nhằm nghiên cứu mới nhằm chọn lọc, tìm kiếm ra các cây thuốc có tiềm năng sử dụng trong chăm sóc sức khỏe, khẳng định tác dụng dựa trên cơ sở khoa học. Từ đó có thể tư liệu hóa để bảo tồn và phát triển cây thuốc.

Đối với các cây thuốc, người Cơ Tu có kinh nghiệm sử dụng khác so với các công bố quốc tế hoặc các hệ thống Y Dược cổ truyền khác: Có thể dựa vào danh mục này để phát triển những nghiên cứu về tác dụng dược lý của cây thuốc nhằm xác minh lại dựa theo thực nghiệm và từ đó có định hướng triển khai tiếp tục nghiên cứu.

Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chưa tìm được các thông tin về tập quán buôn bán cây thuốc, việc trồng trọt, chế biến và xử lý thuốc từ thực vật. Như vậy, đây cũng là những chủ đề để tiếp tục tiến hành khảo sát, làm rõ hơn nữa tình hình sử dụng và những thông tin có giá trị khác, liên quan tới cây thuốc của tộc người Cơ Tu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Nguyễn Thị Vân Anh và các cộng sự (2015), Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc H'Mông và Dao tại Xã Y Tý và Dền Sáng, Huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6*.
2. Nguyễn Tiên Bân (2000), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Na - Annonaceae Juss.*, Tập 1, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
3. Ninh Khắc Bản và các cộng sự (2013), Tri thức sử dụng các loài cây thuốc của cộng đồng dân tộc Cơ Tu và Vân Kiều tại vùng đệm vườn quốc gia Bạch Mã, *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5*, tr. 950.
4. Phạm Hồng Ban và Nguyễn Thượng Hải (2013), Cây thuốc truyền thống của đồng bào dân tộc Thái ở hai huyện Quỳnh Hợp và Quế Phong miền núi tỉnh Nghệ An, *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5*, tr. 940-944.
5. *Báo cáo kết quả chính thức Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009* (2010), Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và Nhà ở Trung Ương.
6. Lê Kim Biên (2007), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Cúc - Asteraceae Dumort*, Tập 5, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
7. Võ Văn Chi (2002), *Từ điển thực vật thông dụng*, Tập 1, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
8. Lưu Đàm Cư và Nguyễn Phương Hạnh (2013), "Bước đầu điều tra cây thuốc được đồng bào M'ông sử dụng ở tỉnh Đắk Lắk", *Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam*. 23, tr. 32-33.
9. *Điều tra thực trạng cây thuốc, bài thuốc của đồng bào Chăm tại Ninh Thuận*, Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật tỉnh Ninh Thuận, truy cập ngày 15/3/2017, tại trang web http://www.ntusta.vn/tintuc/419_.aspx.
10. Nguyễn Thị Đò (2007), *Thực vật chí Việt Nam - Bộ Hoa loa kèn - Liliales Perleb*, Tập 8, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
11. Nguyễn Thị Đò (2007), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Rau răm - Polygonaceae Juss.*, Tập 11, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
12. Phạm Hoàng Hộ (1999), *Cây cỏ Việt Nam*, Tập Quyển I, Nhà Xuất Bản Trẻ.
13. Phạm Hoàng Hộ (2000), *Cây cỏ Việt Nam*, Tập Quyển III, Nhà Xuất Bản Trẻ.
14. Phạm Hoàng Hộ (2003), *Cây cỏ Việt Nam*, Tập Quyển II, Nhà Xuất Bản Trẻ.
15. Lê Thị Thanh Hương và các cộng sự (2013), Điều tra cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Sán Chí tại xã Phú Đình - Định Hóa - Thái Nguyên, *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5*, tr. 1086-1094.
16. Lê Thị Thanh Hương và các cộng sự (2014), "Điều tra cây thuốc và giá trị sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Sán Diu ở Tỉnh Thái Nguyên", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN. Khoa học tự nhiên và công nghệ*. 30(3), tr. 7-16.
17. Lê Thị Thanh Hương và Nguyễn Nghĩa Thìn (2010), "Tình hình sử dụng tài nguyên cây thuốc của đồng bào dân tộc Tày huyện Định Hóa tỉnh Thái Nguyên", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*. 65(03), tr. 121-125.
18. Dương Đức Huyền (2007), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Lan - Orchidaceae Juss. Chi Hoàng Thảo - Dendrobium Sw.*, Tập 9, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
19. Trần Thị Kim Liên (2002), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Đơn nem - Myrsinaceae R. Br.*, Tập 4, Nhà xuất

bản Khoa học và Kỹ thuật.

20. Viện Dược Liệu (2016), *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Nguyễn Tập, chủ biên, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
21. Đỗ Tất Lợi (2004), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y Học.
22. Đỗ Tất Lợi (2009), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y Học.
23. Trần Đình Lý (2007), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Trúc đào - Apocynaceae Juss.*, Tập 5, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
24. *Một số thành tựu nghiên cứu khoa học nổi bật của Viện Hóa học trong quá trình xây dựng và phát triển* (2014), Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, truy cập ngày 14/03/2017, tại trang web <http://sukien.vast.vn/40nam/index.php/thanh-tuu/thanh-tuu-noi-bat/1735>.
25. Vũ Xuân Phương (2000), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Bạc hà - Lamiaceae Lindl.*, Tập 2, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
26. Vũ Xuân Phương (2007), *Thực vật chí Việt Nam - Họ Cỏ roi ngựa - Verbennaceae Jaume.*, Tập 6, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
27. Nguyễn Tiến Bản và cộng sự (2007), *Sách đỏ Việt Nam - phần II. Thực Vật*, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
28. Lê Mạnh Thạnh (2004), *Nghiên cứu tài nguyên đa dạng sinh học và đề xuất một số giải pháp bảo vệ, phát triển bền vững vườn quốc gia Bạch Mã*, Báo cáo tổng kết đề tài độc lập cấp nhà nước.
29. Lê Mạnh Thạnh và các cộng sự (2003), *Đa dạng sinh học hệ Nấm và Thực Vật ở vườn quốc gia Bạch Mã tỉnh Thừa Thiên Huế*, Nhà xuất bản Nông Nghiệp.
30. Đậu Bá Thìn và Lưu Thị Thư (2011), *Dẫn liệu về thực vật có giá trị làm thuốc của dân tộc Mường huyện Cẩm Thủy-Thanh Hóa, Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ ba*, tr. 1086-1090.
31. Trần Tấn Vịnh (2013), *Bức tranh văn hóa tộc người Cơ Tu*, Nhà xuất bản Thời Đại.

Tiếng Anh

32. W. H. Cai et al (2009), "Lignan and neolignan glucosides, and tachioside 2'-O-4"-O-methylgallate from the leaves of *Glochidion rubrum*", *J Nat Med.* 63(4), pp. 408-14.
33. Marcus Choo (2009), *Katuic bibliography*, Linguistics Institute. Payap University. Thailand.
34. *International Ethnobotany Database*, access date 15/3/2017, URL <http://ebdb.org/>.
35. *Katu of Vietnam*, access date 27/03/2017, URL <http://www.peoplegroups.org/Explore/groupdetails.aspx?peid=11154>.
36. T. Ohtsuki et al (2009), "Death receptor 5 promoter-enhancing compounds isolated from *Catimbum speciosum* and their enhancement effect on TRAIL-induced apoptosis", *Bioorg Med Chem.* 17(18), pp. 6748-54.
37. *Pubmed - National Center for Biotechnology Information*, access date 15/03/2017, URL <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed>.
38. M. A. Raza et al (2016), "Antioxidant and antiacetylcholine esterase potential of aerial parts of *Conocarpus erectus*, *Ficus variegata* and *Ficus maclellandii*", *Pak J Pharm Sci.* 29(2), pp. 489-95.
39. Hoang Van Sam (2012), "Indigenous knowledge of medicinal plants among Dao and Muong ethnic minority groups in Ba Vi National Park, Hanoi". 34(1), pp. 82-87.
40. F. N. Shipton et al (2017), "Activity of *Pericampylus glaucus* and periglaucone A in vitro against nasopharyngeal carcinoma and anti-inflammatory activity", *J Ethnopharmacol.* 198, pp. 91-97.
41. Niko Katu Slutmanus (2009), *In the Sacred Forest*, NIKOLAS ÅRHEM and SANS, SWEDEN.
42. Khamluan Sulavan, Thongpheth Kingsada và Nancy A. Costello (1995), *Aspects of Katu Traditional Medicine*, Ministry Of Information And Culture, Institute Of Research On Lao Culture.
43. M. H. Yan et al (2008), "Periglaucones A-D, anti-HBV and -HIV-1 alkaloids from *Pericampylus glaucus*", *J Nat Prod.* 71(5), pp. 760-3.